

TÌM HIỂU HỆ THỐNG BÁT NHÃ VÀ CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA NÓ: TÁNH KHÔNG

Nguyễn Thế Đăng

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 28-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

TÌM HIỂU VỀ BÁT NHÃ KHÔNG TUỆ HỌC

I.-Tánh không là tính cách duyên sanh của tất cả các pháp.(327)

II.-Không là sự trống rỗng của tất cả các pháp.(328)

III.-Không là sự vô thường của tất cả các pháp.

IV- Tánh không là sự không thật có, không thể nắm bắt, vô sở hữu, Bất khả đắc của tất cả các pháp.

V- Tánh Không nghĩa là tất cả pháp không sanh

VI- Tánh không là tánh của tất cả các pháp(332)

Kết Luận:

HẾT

Không phải là tình cờ mà mọi thời khóa nhật tụng đều có bài Bát Nhã Tâm kinh. Sự nhắc nhở thường xuyên về Tánh Không đó, là sự nhắc nhở giải thoát. Bởi vì Tánh Không chính là giải thoát.

Hệ thống Bát Nhã và đối tượng nghiên cứu của nó là Tánh Không rất là quan trọng đối với tư tưởng nền tảng của đạo Phật. Quan trọng không phải vì kinh điển về Bát Nhã chiếm khối lượng lớn nhất trong Đại Tạng (chỉ riêng bộ Đại Bát Nhã đã gồm 600 quyển 125.000 bài tụng), mà vì Tánh Không được nói đến trong hầu hết kinh điển chính yếu và hầu hết tông phái. Kinh Hoa Nghiêm (làm căn bản cho Hoa Nghiêm Tông) nói trong chương thứ nhất (phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm) : " *Phật nói pháp tánh đều vô tánh. Rộng lớn rất sâu chẳng nghĩ bàn* ". Kinh Pháp Hoa nói trong phẩm Pháp Sư: " *Pháp Không làm tòa* ". Trong kinh Lăng Nghiêm 25 vị từ A La Hán đến Bồ Tát chứng viên thông đều nhờ thấu đạt Tánh Không mà thành quả vị. Kinh Duy Ma Cật trong bài kệ tán thán đức Phật : " *Đánh lể Như Không vô sở y* ". Tông Duy Thức - mà nhiều học giả cho là bất đồng ý kiến với Không luận tông - cũng nói trong Duy Thức tam thập tụng : " *Dựa trên ba tánh này. Lập ra ba vô tánh.Nên Phật mật ý thuyết. Tất cả pháp vô tánh* " Căn bản

của Mật tông cũng là Tánh Không, kinh Đại Tỳ Lô Giá Na thành Phật - bộ kinh chánh của Mật tông - nói: "*Chữ A là chữ căn bản của mật chú, A có nghĩa là tất cả pháp chẳng sanh vậy. Bồ Đề là tất cả pháp vô tướng vậy*" . Tịnh Độ tông, mục đích là sanh về Tây Phương cực lạc, ở cõi ấy vẫn lấy Tánh Không làm cứu cánh chứng đắc. Cõi Tây phương được diễn tả trong Quán Vô Lượng Thọ kinh như sau : "*Tám thứ gió mát từ quang minh xuất, khua động nhạc khí, diễn nói : khổ, Không, vô thường, vô ngã*" . "*Sanh qua cõi ấy rồi, thấy sắc thân Phật và chư Bồ Tát đầy đủ các tướng tốt đẹp, rùng rầu quang minh, diễn thuyết diệu pháp. Nghe rồi liền ngộ Vô sanh pháp nhãn*" (Vô sanh pháp nhãn là chứng đắc Tánh Không)...

Chính vì thế mà kinh Đại Bát Nhã nói: "*Y theo Bát Nhã này, người nào muốn thành Tu Đà Hoàn sẽ đắc quả Tu Đà Hoàn, muốn thành A La Hán sẽ đắc quả A La Hán, muốn thành Bích Chi Phật sẽ đắc quả Bích Chi Phật, muốn thành Bồ Tát sẽ đắc quả Bồ Tát, muốn thành Phật sẽ đắc quả Phật, cũng xuất sanh 12 bộ kinh từ tu đa la đến ba đề xá vậy*" .

Tánh Không là sự vinh quang của đạo Phật. Đó là sự chiến thắng vinh quang của những con người đã "*Soi thấy năm uẩn đều Không, vượt khỏi mọi khổ ách*" để đến Bồ Đề Kiên Cố (Ba la mật). Lời ca chiến thắng ấy đã được Đức Phật thốt ra trong buổi sáng giác ngộ:

*Xuyên qua nhiều kiếp luân hồi, Ta miên man đi mãi
Ta đi tìm mãi mà không gặp, Ta đi tìm người thợ xây cất căn nhà này
Lập đi lập lại sự xây cất trong sinh tử muộn phiền
Nay hỏi người thợ làm nhà, Ta đã tìm được người
Từ đây, người không còn cất nhà nột Ta được nữa
Tất cả sườn vách đều gãy, cây đòn dông người dựng cũng bị phá tan
Như Lai đã chứng quả Vô Sanh Bất Diệt bằng tận diệt bằng mọi ái dục vô minh.*

" **Người thợ làm nhà**" đây là năm ấm (hay năm uẩn) xây cất nên căn nhà " thân tâm" lập đi lập lại trong sinh tử muộn phiền. Bằng Trí Huệ, Đức Phật đã "*soi thấy năm uẩn diệt nên toàn bộ thân tâm này đều Không*" , khiến mọi ràng buộc đều tan biến, tất cả mọi cơ cấu xây cất đều bị phá tan, chứng đắc Vô Sanh Bất Diệt (mà các nhà Đại thừa gọi là chứng đắc Tánh Không).

Tánh Không là sự vinh quang của đạo Phật, là sự tự do tối thượng cho những ai thấu đạt nó. Nhưng cũng vì cái chữ Không (viết hoa) ấy (như cửa Thiền được gọi là cửa Không), mà đạo Phật cũng chịu nhiều hiểu lầm, chê

bai, bài bác: nào là chán đời, bỏ đời, bi quan, nào là tiêu cực, hư vô, viễn tưởng v.v...Chỉ nói riêng hai chữ sanh tử và giải thoát, có thể nêu lên vấn đề sanh tử là bi quan chăng? Dầu nói đến sanh tử hay không, thì làm người ai cũng có ít nhất một lần sinh ra và một lần chết đi. Trái lại, không phải bằng thái độ lẩn tránh như con đà điểu rút đầu dưới cát, mà bằng cách đối diện thẳng với vấn đề sanh tử, nhìn thẳng vào cơ cấu sanh tử, để thấy toàn bộ tánh cách duyên sanh của nó, mà tất cả nút thắt sanh tử đều mở phá. Đó là thái độ can đảm và thực tiễn của đạo Phật. Thái độ đó, sự chiến thắng đó không phải chỉ diễn ra một lần ở Đức Phật, mà còn xảy ra ở các vị A La Hán và Bồ Tát tiếp diễn về sau suốt cả chiều dài lịch sử của đạo Phật cho đến ngày nay.

Thiết nghĩ, sự tìm hiểu về Tánh Không là sự quan trọng trong những ai muốn tìm hiểu đạo Phật, muốn có một khái niệm đúng về bản thể họa của đạo Phật, tự giải thoát mình khỏi những điều mơ hồ cho đạo Phật là hư vô chủ nghĩa, là đạo chán đời...Không phải là không có ý nghĩa, khi bằng ngôn ngữ Tây phương, nhà học giả nổi tiếng về Trung Quán luận là T.R.V.Murti đã dịch Tánh Không bằng danh từ The Absolute (Tuyệt Đối thể) trong cuốn The central philosophy of Buddhism.

Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu những ý nghĩa của Tánh Không để có một cái nhìn rõ hơn về Phật pháp. Nhưng sự tìm hiểu ấy chỉ là một phần rất nhỏ của cái mà hệ thống Bát Nhã gọi là văn tự Bát Nhã. Chỉ bằng Văn tự Bát Nhã, chỉ bằng sự mô tả, hình dung về Tánh Không, dầu có thuộc lòng cả bộ Đại Bát Nhã, chúng ta cũng không thể thực sự hiểu Tánh Không. Tánh Không không thể hiểu được nếu chỉ có phần tìm hiểu về mặt văn tự (Văn tự Bát Nhã), Tánh Không chỉ có thể bắt đầu hiểu được khi chúng ta đi vào sự tu tập (Quán chiếu Bát Nhã) để thực chứng Thật Tướng Bát Nhã. Cũng như quá trình Văn, Tư, Tu của kinh Lăng nghiêm, ban đầu là Nghe (Văn), nhưng chỉ có nghe thì chưa đủ, phải Suy nghĩ (Tư) và Tu hành (Tu) thì mới hiểu được đạo Phật. Muốn đạt đến Thực Tướng Bát Nhã, có một hố sâu phải nhảy qua, hố sâu đó là sự thực hành Quán chiếu Bát Nhã.

Cái hố sâu của sự thực hành tiền quán đó, cũng là hố sâu ngăn cách khoa học với đạo Phật. Khoa học xét một cách nghiêm túc trong cái nhìn đạo Phật, chỉ nằm trong Văn tự Bát Nhã, chỉ nằm trong phạm vi ý thức (tức là thức thứ 6, trong khi sự nghiên cứu của đạo Phật soi tận đến Tạng thức, tức là thức thứ 8). Bởi thế khoa học chưa có thể thay đổi một cách toàn triệt toàn bộ tâm thức, của con người để giải phóng nó ra khỏi 8 thức sanh diệt. Bởi thế mà nhà vật lý lý thuyết của trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp

Basarab Nicolescu trong bài Khoa học và Truyền thống (Unesco 11-86) đã nêu lên một thắc mắc của hầu hết các nhà khoa học : " *Cách nhìn này (của truyền thống tôn giáo) về thế giới chẳng phải gần Người thợ làm nhà" đây 12 năm ám (hay năm uẩn) xây cất nên căn nhà " thân tâm" lập đi lập lại gửi với cách nhìn hiện đại của chúng ta đến mức đáng kinh ngạc đây sao?*

Nhưng tại sao có sự chênh lệch giữa cuộc đời bình thường của con người hiện đại với sự hiểu biết hiện đại của y đến như thế ". Bằng khoa học hiện đại, con người đã hiểu rằng thế giới là liên tập, là một toàn thể tương giao, một thế giới sanh diệt trong từng phần triệu giây, thế mà con người ấy vẫn chẳng có gì thay đổi, vẫn cô lập, ích kỷ, vẫn ham chiếm đoạt cho riêng mình, vẫn sợ chết, vẫn tự trói buộc lấy mình y như thân phận của con người hồi Đức Phật còn tại thế, dầu sự tự trói buộc ấy thực hiện bằng những hình thức khác. Sự chênh lệch (chữ dùng của ông) giữa một bên là kiến thức khoa học và một bên là thói quen ù lì của tâm thức con người là một điều khoa học chưa thể giải quyết nổi, kể cả tâm lý học chiều sâu tức là phân tâm học.

Nếu cần trích thêm ở đây, chúng ta có thể nhắc đến nhà vật lý cơ học lượng tử R. Feynman, giả Nobel vật lý 1965, trong một cuốn sách về những vấn đề của vật lý hiện đại, ông đã kết luận rằng: " *Trong tương lai gần, các định luật vật lý sẽ được khám phá hết, khoa học vật lý sẽ chấm dứt nhiệm vụ, nhưng vẫn còn hai lãnh vực đối với nhân loại, đó là lãnh vực khoa học xã hội và ở trên nó là lãnh vực triết học và tôn giáo "* (Chỉ xin nói thêm, chữ " tôn giáo" đây, đối với đạo Phật là sự thực hành, vì ngoài sự thực hành, không có đạo Phật)

Sự chênh lệch hay cái hồ sâu ngăn cách giữa khoa học và đạo Phật chỉ có thể giải quyết bằng Thiên quán, nghĩa là bằng cách đem cái nhìn của khoa học về một thế giới biến chuyển trong từng khoảng khắc thời gian (nói theo danh từ PH là vô thường) vào trong chính mình để tạo thành cái nhìn của chính con người mình (mà không phải cái nhìn của máy móc). Đưa một cái nhìn của khoa học về một vũ trụ sanh diệt trong từng sát na, để phát huy nơi chính mình một cái nhìn đúng về con người và thế giới, lúc ấy con người mới có thể có một thế giới quan mới, một thế giới quan thoát khỏi tham sân si. Sự chênh lệch đó sẽ vượt qua bằng Quán chiếu Bát nhã để đạt đến thực Tướng Bát Nhã.

Qua nhận xét nhỏ này, chúng ta cũng thấy được giới hạn của sự tìm hiểu của chúng ta, sự tìm hiểu nằm trong Văn tự Bát Nhã, và nếu không có sự thực hành Quán chiếu Bát Nhã của chính mỗi người chúng ta thì những điều tìm hiểu sau vẫn mãi mãi chỉ là văn tự, là một loại kiến thức, như kiến thức khoa

học,, chẳng thay đổi chút nào con người bên trong của chúng ta. Chúng ta có thể nói về một thế giới sanh diệt trong từng niệm niệm (hay nói theo Bát Nhã thì các pháp đều vô tự tánh), nhưng một hạt cát cũng làm cho chúng ta khởi ra một trời giận dữ; chúng ta có thể nói về một thế giới liên lập, tương dung tương nhiếp, trùng trùng duyên khởi, nhưng chúng ta chẳng bao giờ thoát khỏi bản ngã hư dối nhỏ hẹp và u mê thu góp của mình.

Có lần , nhà bác học mở đầu cho vật lý hiện đại, Albert Einstein nói một câu tưởng như đùa: ỜNgười ta phá vỡ một nguyên tử dễ dàng hơn phá vỡ một thành kiến. Phải chăng điều đó cũng đồng một tư tưởng của đạo Phật mà Đức Phật đã nói ra: *Chiến thắng một sự vật bên ngoài không bằng chiến thắng chính mình.* Sự chiến thắng chính mình mới giải quyết tất cả. Với Quán chiếu Bát Nhã, chẳng những cái thành kiến thô thiển thế gian ai cũng thấy được, mà các kiến chấp vi tế, những kiến chấp trói buộc không cho con người hưởng được sự tự do tối thượng, cái tự do vô thủy vô chung vốn là định mệnh của mỗi chúng sanh, tri giả, kiến giả, mạng giả, tác giả, khởi giả v.v...(phẩm Tam Giả) đều bị Trí Huệ Kim Cang Bát Nhã phá tan để đưa tất cả trở về Tánh Không bền lâu thanh tịnh, trong đó tất cả sanh tử, Niết Bàn, phàm thánh, giải thoát hay chẳng giải thoát v.v...đều chẳng thể được (phẩm Như Hoá).

Tất cả đều nhờ vào Bát Nhã Ba la mật.

Nguyễn Thế Đăng
(Giác Ngộ)

TÌM HIỂU VỀ BÁT NHÃ KHÔNG TUỆ HỌC

Nguyễn Thế Đăng

I.-Tánh không là tính cách duyên sanh của tất cả các pháp.(327)

Tính cách duyên sanh của tất cả các pháp được nói rõ trong đoạn đối thoại sau đây của kinh Na Tiên Tỳ Kheo, một đoạn kinh mà hầu như tất cả chúng ta đều đã từng đọc qua. Xin trích ra đây vì đặc điểm dễ hiểu và dễ nhớ của

nó:

Vua Di Lan Đà hỏi đại đức Na Tiên:

- Đại đức nói không hề có cái ta và cái của ta như tà kiến và ngã chấp vẫn thường nhận lầm. Nếu không có cái ta thì ai thọ nhận các món cúng dường, ai tham thiền nhập định, ai đắc quả và nhập Niết Bàn, ai giữ giới, ai phạm giới, ai tạo nghiệp... Như thế có kẻ giết đại đức cũng không phạm tội sát sanh chăng? Ngay cả các đạo hữu của đại đức gọi đại đức là Na Tiên cũng không có sót? Na Tiên đó là ai, đại đức nghe rõ chứ?

- Tâu đại vương, bản tể đã nghe rõ.
- Người nghe đó có phải là Na Tiên không?
- Tâu đại vương, không phải đâu.
- Thế thì ai là Na Tiên? Cái gì là Na Tiên? Tóc trên đầu là Na Tiên chăng?
- Tâu đại vương, không phải.
- Lòng, móng, răng, da, thịt, xương, gân... là Na Tiên chăng ?
- Tâu đại vương, không phải.
- Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Na Tiên chăng?
- Tâu đại vương, không phải.
- Hay năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức hợp lại là Na Tiên chăng ?
- Tâu đại vương, không phải.
- Hay ngoài năm uẩn ra, còn có cái gì là Na Tiên chăng ?
- Tâu đại vương, cũng không phải nốt.

Sau đó, đại đức Na Tiên hỏi nhà vua:

- Chẳng hay đại vương đến đây bằng bộ hay bằng xe?
- Bạch đại đức, trẫm đến bằng xe.
- Đại vương bảo ngài đến bằng xe, đó là ngài nói thật chứ?
- Bạch đại đức, trẫm nói chắc thật.
- Vậy xin đại vương cho bản tể biết rõ về cái xe. Gọng xe có phải là xe không?
- Thừa không phải.
- Trụ, bánh, cãm, thùng, mui, gác chân... có phải là xe không?
- Thừa không phải.
- Hay tất cả các món ấy hợp lại và buộc chung là xe?
- Thừa không phải.
- Hay ngoài các món ấy ra, có một món nào khác gọi là xe?
- Thừa cũng không phải.
- Vậy cái gì là xe?

Vua không đáp được.

Sau đó đại đức kết luận: Đúng như lời nữ Tôn giả Vajirā đã bạch với Đức Thế Tôn khi ngài còn tại thế: "*Danh xưng xe sở dĩ có là do nhiều món đồ hợp lại mà giả thành. Nhiều thứ cơ thể hợp lại thì giả thành một vật gọi tên là chúng sanh*".

Đó là điều được Bồ tát Long Thọ nói trong bài kệ:

*Các pháp nhân duyên sanh
Tôi nói: tức là Không
Cũng gọi là giả danh
Cũng là nghĩa Trung đạo.*

Bằng thiên quán, một khi thấu đạt được tính cách duyên sanh này, mọi sự vật đều được nhìn thấy như là giả danh, giả hợp. Cũng bằng cái nhìn trực quan ấy, các nhà Nam tông nói: "*Các pháp vô ngã*", còn trong ngôn ngữ các nhà Đại thừa, thì: ***Các pháp đều vô tự tánh***.

Tánh cách duyên sanh, vô ngã, vô tự tánh ấy được nói rõ hơn trong bài kệ:

*Cái này có thì cái kia có
Cái này không có thì cái kia không có
Cái này sanh thì cái kia sanh
Cái này diệt thì cái kia diệt.*

Nhưng chúng ta tự hỏi trong một thế giới mà tất cả đều duyên sanh, đều không có tự tánh, đều vô thường sanh diệt sanh diệt trong từng niệm niệm như thế, thì đâu là chỗ giải thoát, đâu là chỗ an thân lập mạng, đâu là chỗ quy về, đâu là hòn đảo kiên cố giữa đại dương trùng trùng sanh tử? Trong "*ba cõi đều chẳng an*", đâu là chỗ an toàn, đâu là cái mà kinh Lăng Nghiêm nói là "*không tùy thuộc nhân duyên, chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên*"? Chỗ giải thoát đó, cái "*không phải nhân duyên*" đó, đạo Phật gọi là Niết Bàn. Kinh điển Nam tông (kinh Udāna) nói về niết bàn như sau: "*Hỡi các Tỳ kheo, có cái không sanh, không khởi phát, không tăng mao, không tùy thế. Nếu không có cái không sanh, không khởi phát, không tăng tạo, không tùy thế ấy ắt không có lối thoát nào cho cái có sanh, cái có khởi phát, cái có tăng tạo, cái có tùy thế. Bởi vì có cái không sanh, không khởi, không tạo, không tùy thuộc điều kiện, nên mới có lối thoát cho cái có sanh, có khởi, có tạo, có tùy thuộc*"

Cái Niết Bàn ấy được chứng nhập qua sự tu hành viên thông về nhĩ căn của Bồ tát Quán Thế Âm như sau (kinh Lăng Nghiêm): *Ban đầu ở trong cái nghe, vào dòng mát đi tướng sở chỗ vào đã vắng lặng, hai tướng động tịnh rõ ràng chẳng sanh ra. Như vậy dần tiến thêm, cái nghe và chỗ nghe đều hết. Chẳng dừng lại nơi sự hết cái nghe và chỗ nghe, thì năng giác sở giác đều không. Không giác cùng tột tròn vẹn thì năng không và sở không đều diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền. Tức thì vượt khỏi thế gian lẫn xuất thế gian, tròn sáng khắp mười phương, được hai đều tột bậc: Một là trên hợp với Bản Giác Diệu tâm của mười phương chư Phật, cùng với chư Phật Như Lai đồng một sức Từ; hai là, dưới hợp với mười phương chúng sanh trong sáu nẻo, cùng với tất cả chúng sanh đồng một Bi ngưỡng :* " Niết Bàn ấy chính là Tánh không của hệ thống Bát Nhã: *Chỗ thâm áo đây, nghĩa của nó là Không, là Vô tướng, là Vô tác, Vô khởi, Vô sanh, Vô Nhiễm, là ly, là tịch diệt, là Như, là pháp tánh thiết tế, là Niết Bàn. Những pháp trên đây cùng một nghĩa*" (phẩm Thâm Áo).

Nếu không có cái " *không sanh, không khởi, không tạo tác, không tùy thuộc*" ấy nếu không có cái ***sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền*** ấy, thì đạo Phật không thể xác nhận được chính mình như là đạo xuất thế, và không có căn cứ cho sự tồn tại của chính mình. Bởi vì với Khổ đế và Tập đế, đạo Phật chỉ mới nêu lên vấn đề, và cách nêu lên vấn đề như vậy văn chương và các khoa học thế gian cũng đề cập đến. Không có thêm Diệt đế và Đạo đế, nghĩa là không có sự giải quyết vấn đề, thì đạo Phật cũng không có lý do để tồn tại.

Sức mạnh của đạo Phật nằm ở sự xác lập Niết Bàn, cái Niết Bàn không tùy thuộc sanh tử nên dầu ở trong sanh tử mà vẫn Niết Bàn, cái Niết Bàn siêu vượt khỏi cả xuất thế gian nên hằng ở cùng chúng sanh đồng một Bi ngưỡng ". Và chúng ta cũng thấy qua lịch sử đạo Phật, những thời kỳ chánh Pháp hưng thịnh rực rỡ nhất là những thời kỳ trong đó có nhiều người con của Phật khẳng định được và xác lập được cái Niết Bàn đó ngay tại giữa thế gian này. Đó là điều kinh thường nói: *Tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh*, đó cũng là Tâm Ấn chư Phật, như ngài Bồ tát Quán Thế Âm đã diễn tả.

II.-Không là sự trống rỗng của tất cả các pháp.(328)

Không (Sunya), Tánh Không (Sunyata) tiếng Anh là Void, Voidness), bao hàm nghĩa trống rỗng, trống không. Kinh điển Nam Tông nói:

" Này các Tỳ kheo, phàm có sắc gì (thọ tướng hành thức gì) quá khứ hiện tại vị lai, trong hay ngoài, thô hay tế, vị Tỳ kheo như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện ra trống không, hiện ra rỗng không, không có lỗi cứng.

*Sắc ví như đồng bột
Thọ ví bong bóng nước
Tướng ví ráng mặt trời
Hành ví như cây chuối
Thức ví với ảo thuật
Phật thuyết giảng như vậy
Như lý nhìn các pháp
Hiện rõ tánh trống không .
(Bọt nước-Phẩm Hoa-tướng Ứng Bộ Kinh tập I I I)*

" Mắt, các sắc, nhãn thức, nhãn xúc là không tự ngã. Này Ananda, vì rằng thế giới là không tự ngã, không thuộc tự ngã nên thế giới là trống không, trống không là thế giới" .

(Trống không- Phẩm Channa- Tương Ứng Bộ Kinh tập I V- bản dịch của HT. Thích Minh Châu)

Thanh Tịnh đạo luận nói: " Người ấy thấy thế giới hiện tượng như là trống rỗng, trống không, hư huyền như làng xóm trống vắng, như ảo tượng, như thành Càn thát bà..."

(Tuệ thấy các sắc là đáng sợ, bản tiếng Anh, trang 755)

Kinh Đại Bát Nhã nói: *" Này Xá Lợi Phất! Vì sắc rỗng không nên không có tướng nào hoại, Vì thọ rỗng không nên không có tướng thọ nhận, vì tướng rỗng không nên không có tướng biết, vì hành rỗng không nên không có tướng tác giả, vì thức rỗng không nên không có thức tri giác. Này Xá Lợi Phất ! Tướng rỗng không của các pháp vốn chẳng sanh chẳng diệt, chẳng cấu chẳng tịnh, chẳng tăng chẳng giảm..."*

Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát Nhã Ba la mật.
(Phẩm Tu tập đúng- HT. Thích Trí Tịnh dịch)

Sự nhìn thấy thực tướng của các pháp như vậy được đạo Phật gọi là Tuệ. Ví dụ như trước khi được quả thánh đầu tiên, quả Nhập Lưu, hành giả trải qua những phạm tuệ, như: tuệ thấy danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã; tuệ thấy sự sanh diệt của các sắc; tuệ kinh sợ thấy tội lỗi của các sắc v.v... Tuệ là một cái biết vượt trên sự đối đãi của ý thức chủ thể và đối tượng khách thể, chỉ đạt được thiền quán. còn ở mức độ lơ mờ, dò dẫm của ý thức, chúng ta có thể hình dung sự trống rỗng của các pháp bằng những diễn tả của khoa học vật lý hiện đại, mặc dầu cái biết của ý thức thì rất giới hạn vì không thể vượt ra ngoài sự phân chia giữa chủ thể và đối tượng, và ý thức cũng không thể biết được chính nó, sự sanh khởi và diệt mất của chính nó, đây là điều phải nhờ thiền quán.

Nhà khoa học John W Garner viết trong cuốn nguyên tử hôm nay và ngày mai: Các thí nghiệm, tính toán của Rutherford và Bohr đã chứng minh một cách rõ ràng đến kinh ngạc rằng nguyên tử chủ yếu là khoảng không trống rỗng. Nếu như đường kính hạt nhân là 15cm thì với tỷ lệ đó, các electron gần nhân nhất cũng cách hơn 1km⁵, còn khoảng giữa đó là chân không.

Với một cái nhìn ở mức độ nguyên tử như vậy, một bức tường sẽ là trống rỗng, vì phần vật chất cứng đặc là quá nhỏ so với khoảng không, cũng như toàn bộ vũ trụ gần như trống rỗng vì mật độ vật chất quá rải rác.

Theo Duy thức học, tùy theo nghiệp thức của mỗi loại chúng sanh mà thế giới của mỗi loài hiện ra sai khác. Vì tâm thức của chúng ta được cấu tạo như vậy, thì thế giới hiện ra với chúng ta là cứng đặc, trong khi ở mức độ nguyên tử, thì thế giới gần như là trống rỗng. Như con mối thì thế giới của nó chỉ là một chiều, một bề mặt bằng phẳng, dẫu là đứng trước bức vách. Con chó thì chỉ thấy có hai màu đen trắng. Có những âm thanh và màu sắc siêu tần mà con người không thể nghe, thấy. Con người chỉ cảm nghiệm được một hệ thống không - thời gian 4 chiều, còn có thể có các hệ thống nhiều chiều hơn thì đành không thể biết. Trong thiền định, con người kinh nghiệm những thế giới khác lạ so với giác quan thường nhật, ví dụ khi đưa tâm thức đến định Không vô biên xứ, thế giới chỉ còn là một hư không vô biên, đến định Thức vô biên xứ, và với sự an trú lâu dài trong định đó, cái nghiệp ấy sẽ đưa người ấy đến cõi Trời Thức vô biên xứ tương ứng với loại tâm thức thiền định như vậy.

Chúng ta không đi xa hơn, nhưng qua vài nhận xét đó cũng cho chúng ta thấy rằng, với một tâm thức được tinh luyện hơn, tinh vi hơn, trong sạch hơn, sự việc thế giới hiện ra là trống rỗng không phải là chuyện hoang đường. Và mặc dầu thấy được sự trống rỗng của tất cả các pháp chỉ là bước đầu của Trí Huệ bát Nhã, cũng đủ chữa lành cho mọi căn bệnh khổ đau vì tham đắm, bám chấp, vì các căn bệnh tham sân si vốn là ***tính tự nhiên*** " của chúng sinh ở cõi Dục giới này.

III.-Không là sự vô thường của tất cả các pháp.

Vô thường là một trong ba pháp ấn của Nam tông, trong bất kỳ đoạn kinh nào của Nam tông cũng thấy nói đến vô thường. Ở đây, xin trích ra ít đoạn kinh Đại thừa nói về vô thường.

Kinh Đại thừa vô lượng nghĩa nói: "*Rồi lại quán kỹ tất cả các pháp:niệm chẳng dừng, sát na sanh diệt. Lại thấy sanh, trụ, dị, diệt xảy ra đồng thời*" .

Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật đã nói. "*Vì pháp tánh là Không vậy. Thế tức là sắc thọ tưởng hành thức, 12 xứ, 18 giới, phàm phu, 12 nhân duyên, 2 đế, 4 đế. tất cả đều Không . Những pháp ấy, sanh ngay diệt ngay, vừa có vừa không, mỗi mỗi sát na liên tục như vậy. Trong một niệm có 90 sát na, trong một sát na trải qua 900 lần sanh diệt, cho nên tất cả các pháp hữu vi đều là không vậy* :.

Luận Đại Trí Độ nói: "*Các pháp luôn luôn biến đổi, không một thứ gì có thể tồn tại trong hai sát na liên tiếp*" .

Cũng bằng những diễn tả khoa học hiện đại, chúng ta có thể mừng tượng phần nào về cái gọi là Tuệ thấy sự sanh diệt của danh sắc:

Electron, hạt quyết định tính chất đặc tính của nguyên tử, quay quanh hạt nhân với tốc độ hơn 160.000km/giờ. Thế giới nguyên tử là thế giới chuyển động và sanh diệt với tốc độ chóng mặt. Người ta đã biết hàng trăm hạt cơ bản đời sống chỉ ngắn ngủi từ *****10-17--10-19**** giây và sau đó phân rã thành hạt khác. Dời sống của hạt Mezon-pi chỉ là ***10-23**** giây. Proton, hạt thuộc loại " vững chắc" nhất, không bao giờ biến mất mà chỉ biến đổi, thì theo sự diễn tả của giáo sư la Smorodinsky: Proton là một xoáy nước dữ dội trong đó các Mezon-pi liên tục sanh ra và biến mất. Ngoài Mezon-pi, các phản

nucleon xuất hiện và mất đi ở giữa cái mà chúng ta gọi là Proton .

Thiết tưởng, sự tìm hiểu về cơ cấu vật chất không trái ngược mà còn bổ ích cho sự tìm hiểu về tánh Không, vì kinh Đại Bát Nhã nói: "*Phân biệt, tính lường, phá hoại tất cả pháp đến vi trần, trong đó chẳng được cứng chắc, do nghĩa này mà gọi là Bát Nhã Ba La Mật*" (phẩm Tam huệ).

Thế giới nguyên tử là một thế giới vô cũng chuyển động và sanh diệt trong từng sát na và thay vì nói rằng thế giới là chuyển động và vô thường, thì bằng một cái nhìn học Phật sâu sắc, chúng ta phải nói rằng: chính sự chuyển động vô thường (của sắc thọ tướng hình thức) đã tạo thành thế giới.

Qua đến thế giới hữu cơ sinh vật cũng thế. Trong một ngày có bao nhiêu hồng huyết cầu chết và được thay thế, vì trong một tuần hoàn hồng huyết cầu đều được đổi mới. Có bao nhiêu tế bào óc trong khoảng 2 tỉ nơ-rôn chết đi và không được thay thế? trong thế giới của thức cũng thế, một giây có bao nhiêu niệm tương sanh ra và diệt mất? Ngay cả thức thứ tám, thức căn bản của toàn bộ thân tâm sanh tử mà ta không hề biết (mà ngoại đạo thấy là đúng lạng nên cho đó là Thần Ngã), thức ấy cũng chuyển trôi như dòng nước chảy xiết. Đức Phật nói về cái thức căn bản ấy như sau:

*Thức Đà Na vi tế
Hằng chuyển như nước xiết
Sợ người chấp làm Ngã
Ta thường chẳng khai diễn*

KẾT: Đạo Phật thấy rằng tất cả cõi đều rỗng không, vô ngã, sanh diệt trong từng niệm niệm. Cái thấy ấy phải gây ra sợ hãi và phản ứng đối với chúng sanh cố chấp trong cái ta và cái của ta, như kinh đã nói trước. Từ đó mà cho rằng đạo Phật chán đời. Đạo Phật dạy phải thấy ***tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh, như sương như điện chớp*** ". Cái thấy ấy không bị giới hạn trong năm huẩn của cõi này, không bị giới hạn trong khoảng một đời người, mà đó là cái thấy ở tầm mức vũ trụ, nên nó cũng không phải bị quan, không phải lạc quan. Khi đạo Phật nói "*chúng sanh ở trong vô thường mà cho là thường, trong bất tịnh mà cho là tịnh, trong vô ngã mà cho là ngã, trong vô sanh mà cho là sanh*" , hay khi nói "*các chúng sanh do khả ái của mình, như con nai khát nước chạy theo bóng nắng mà tưởng là dòng suối*" , điều đó cũng không phải là chán đời. Và trước một sự việc như con nai khát nước chạy theo bóng nắng mà tưởng là dòng suối, người đứng lại không phải là người bi quan, chán đời, mà chỉ là người trí. Còn người

tiếp tục chạy cuồng bám đuổi theo cái vọng tưởng điên đảo rỗng không của mình đâu có phải là người **lạc quan, tích cực**" gì đâu, mà chỉ là người si mê đáng thương vậy.(329)

Trong những bài trước, chúng ta đã tìm hiểu Tánh Không chủ yếu theo hệ thống Nguyên thủy và Đại thừa thủy giáo, chú trọng đến việc quan sát các hiện tượng, khảo sát theo mặt hình tướng để từ tướng đi vào Tánh. Từ đây chúng ta tìm hiểu Tánh Không theo cái nhìn của Đại thừa chung giáo, Đại thừa rốt ráo, nghĩa là đi thẳng vào Tánh Không, không dựa vào tướng khách thể cũng như ý thức thể, không qua một quá trình phân tích các tướng để tìm ra Tánh.

Chắc cũng vì vậy mà sự việc khó hiểu hơn, vì không còn nương vào thức và tướng để tìm hiểu, như một Thiền sư Tào Động hiện đại của Nhật đã nói: "*Chỉ có trí huệ mới tìm thấy Trí Huệ*" (Shunryu Suzuki- Zen Mind, beginner's mind). Âu cũng là nhờ một nỗ lực nghiêm túc phi thường nào đó, một trực quan nào đó về cái Toàn Thể, mà chúng ta có thể đi vào Đại thừa. Nếu không, chúng ta sẽ không tương ứng được, mà đã không thông cảm được thì dĩ nhiên là hiểu lầm. Ví dụ như Đại thừa nói: "**Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh...**" thì chúng ta nghĩ ngay PG Đại thừa là chán đời, là tiểu cực, là hư vô, là một thứ học thuyết Lão Trang nào đó. Nhưng với người hiểu biết, thì cái mộng huyễn bào ảnh đó là sự tích cực, là hư vô, là một thứ học thuyết Lão Trang nào đó. Nhưng với người hiểu biết, thì cái mộng huyễn bào ảnh đó là sự tích cực nhất đối với tất cả ba cõi, sự tích cực đó đã chứng tỏ trong cuộc đời của các vị Thiền sư, các vị Bồ tát. Phải nhờ một cái hiểu biết thực sự nào đó để đi vào Đại thừa. Ví dụ trong kinh Viên Giác, khi muốn thâm nhập vào Viên Giác bằng 3 pháp Chỉ, Quán và Thiền, người ta phải biết Tánh Viên Giác thanh tịnh là cái gì: ***Nếu các Bồ tát ngộ Viên Giác thanh tịnh, thì y vào cái giác tâm thanh tịnh này mà biết tâm thức cùng căn trần đều do huyễn hóa, bèn khởi các huyễn để trừ các huyễn... Do quán thấy huyễn mà **bèn* trong bèn phát ra đại bi khinh an.*** Thế nghĩa là ngộ tánh Viên Giác rồi mới bắt đầu thực tu pháp Quán.

Phẩm thứ 2 của Đại Bát Nhã cũng nói :*Bồ tát tu tập đúng như vậy (đúng theo Tánh Không), đây gọi là tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật . Phải biết tánh Không thực sự là gì thì mới tu tập đúng như vậy* được, để mà tương ứng với Bát Nhã Ba la mật.

Cũng vì vậy, nên trong những đoạn sau, khi tìm hiểu về Tánh Không, chúng ta không trích dẫn chứng minh bằng các thí dụ, lý luận vọng lập của ý thức

thế gian, mà chỉ trích ra những đoạn kinh khác để tìm một sự tương đồng, hầu có thể tiếp tục công việc tìm hiểu.

IV- Tánh không là sự không thật có, không thể nắm bắt, vô sở hữu, Bất khả đắc của tất cả các pháp.

Những thành ngữ như vô sở hữu, bất khả đắc, tất cánh không, tất cánh viễn ly, vô sở trụ, không thủ không xả... hầu như trong bất kỳ trang nào của Đại Bát Nhã cũng có, để chỉ tính cách không thật có, không thể nắm bắt, như huyền, như mộng của tất cả ba cõi. Để giải thích tính cách này có lẽ thành ngữ dường như hoa đốm giữa hư không của kinh Viên Giác là cụ thể, trực tiếp và dễ hiểu nhất:

Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay đủ thứ điên đảo, giống như người mê, lẫn lộn bốn phương, vọng nhận bốn đại làm thân tướng của mình, bóng dáng duyên ảnh sáu trần làm tâm tướng của mình, ví như con mắt bệnh thấy giữa hư không có hoa đốm và thấy có mặt trăng thứ hai.

Hư không vốn thật chẳng bao giờ có hoa đốm chỉ là người bệnh vọng chấp. Do vọng chấp cho nên chẳng những không biết được tự tánh của hư không mà còn lầm cho là hoa đốm thật có sanh. Do cái " thấy - có " hư vọng đó mới luân chuyển sanh tử. Thế nên gọi đó là vô minh.

Cái vô minh ấy không có thật thể. Như người trông mộng đến khi tỉnh dậy mới biết là không chỗ có. Như các hoa đốm trong hư không diệt mất giữa hư không, chẳng thể nói là có chỗ diệt mất. Vì sao thế? Vì không từng có chỗ sinh ra. Hết thấy chúng sanh vẫn ở trong chính cái Vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, thế nên gọi là sanh tử luân hồi. (Chương 1- Phẩm Văn Thù).

Trong chương 2, phẩm Phổ Hiền kết luận:

Biết huyền tức là, chẳng khởi phương tiện. Là huyền tức giác, cũng không thứ lớp"

Kinh Lăng nghiêm nói về sự vô sở hữu, như không hoa này như sau:

*Chân tánh, hữu vi không
Duyên sanh nên như huyễn
Vô vi, không khởi diệt
Chẳng thật như không hoa
Ở giữa không thật tánh
Giống như lau gác nhau
Buộc, mở đồng một nhân
Thánh phàm không hai lối
Hãy xem tánh giao nhau
Có, không đều chẳng phải
Mê lầm là vô minh
Rõ thông đều giải thoát.*

Chúng ta có thể kết luận cho mình rằng: Nếu biết tất cả pháp là hoa đốm vọng có sanh diệt giữa hư không, tức thì biết ngay được Tánh Không bản lai thanh tịnh.

Bài kệ mở đầu kinh Lăng Già gồm trọn ý nghĩa toàn bộ kinh của Bồ tát Đại Huệ tán thán Đức Phật, bậc viên ly tối thượng, bậc chún gđược **Niết bàn sanh tử chỉ là giấc mộng ngày hôm qua** có thể kết luận cho đoạn này:

*Thế gian lia sanh diệt
Như hoa trong hư không
Trí chẳng đắc có, không
Mà hưng tâm đại bi.
Tất cả pháp như huyễn
Xa lia khỏi tâm thức
Trí chẳng đắc có không
Mà hưng tâm đại bi
Xa lia hẳn đoạn, thường
Thế gian hằng như mộng
Trí chẳng đắc có không
Mà hưng tâm đại bi
Rõ nhân pháp vô ngã
Phiền não và sở tri
Thường thanh tịnh vô tướng
Mà hưng tâm đại bi
Tất cả không Niết Bàn
Xa lia giác, sở giác.
Hoặc có hoặc không có
Tất cả thấy đều là*

*Quán Mâu Ni tịch tĩnh
Ấy tức xa lìa sanh
Cũng gọi là chẳng thủ
Đời này đời sau Tịnh*

V- Tánh Không nghĩa là tất cả pháp không sanh

Kinh Đại Bát Nhã, phẩm Vô sanh: " Ngài Tu Bồ Đề nói: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc. Sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc. Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát thật hành Bát Nhã BLM quán các pháp như vậy thời thấy sắc không có sanh, vì rốt ráo tịnh vậy. Thấy thọ tướng hành thức không có sanh, vì rốt ráo tịnh vậy. Nhân đến thấy Phật và Phật Pháp không sanh, vì rốt ráo tịnh vậy. Ngài Xá Lợi Phất nói: Cứ theo nghĩa của Tu Bồ Đề nói mà tôi được nghe thì sắc là chẳng sanh, thọ tướng hành thức là chẳng sanh, nhân đến Phật và Phật pháp là chẳng sanh" .

" Tất cả các pháp rốt ráo không sanh" câu kinh được lập đi lập lại trong suốt bộ Đại Bát Nhã. Đó là câu thần chú đưa người tu học đến Vô sanh pháp nhẫn, đến Bồ bên kia của bậc Bất thối chuyển, là tâm ấn của chư Phật ba đời: " Đức Phật dạy : Đại Huệ!" Tất cả pháp chẳng sanh " đó là điều chư Phật ba đời đồng nói " (Lăng Già quyển 2)

Mở rộng thêm, chúng ta đọc thấy trong kinh Bồ Tát kiến thiết: " Tự thể các pháp chẳng phải từng có, sẽ có, hiện có. Như bóng trong gương chẳng phải có không, tự thể của sắc cũng vậy, chẳng phải đã có, sẽ có hay hiện có. Nay Đại vương! Sắc không có sanh cũng không có diệt, thọ tướng hành thức không có sanh cũng không có diệt, như Niết bàn giới không có sanh không có diệt vậy .

Biết tất cả pháp đang sanh tức chẳng sanh, đó là: Quán Mâu Ni tịch tĩnh, ấy tức xa lìa sanh, cũng gọi là chẳng thủ, đời này đời sau tịnh " , như bài kệ Lăng Già nói ở trên.

Chúng biết " tất cả pháp không sanh" tức là chúng đắc Vô sanh pháp nhẫn : Đức Phật dạy: Thật không có người nào ở trong pháp sanh mà được Vô sanh Pháp nhẫn. Vì không đắc không thất, do đây mà được Vô sanh pháp nhẫn. Lại này Văn Thù Sư Lợi! Vô sanh Pháp nhẫn đó, là : vì tất cả pháp vô sanh nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp không đi không đến nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp vô thủ vô xả nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp vô sở hữu,

không có thật nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp vô nhiễm như hư không nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp Không, Vô tướng, Vô nguyên nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp Như, như pháp tánh thiết tế nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp vô phân biệt, vô tương ứng, vô ức niệm, vô hý luận, vô tư duy nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp vô tác vô lực hư vọng như ảo như mộng như bóng như vang như ảnh tượng như cây chuối rỗng như tụ mật như bọt nước nên nhẫn như vậy. Nói mà nhẫn mà không có ai nhẫn và cái gì để nhẫn, danh từ ấy cũng bất khả đắc, bốn tánh tự ly. Nói nhẫn như vậy, tin hiểu thích vào, không nghi hoặc, không kinh sợ, không động mất, đầy khắp nơi thân rồi chánh thọ mà hành, chẳng chẳng được thân mình cũng không chỗ trụ. Đây gọi là Bồ tát ở trong các pháp được vô sanh nhẫn cho đến chẳng hành tất cả tướng vậy (Pháp hội Thiện Trụ ý thiên tử, phẩm thứ 6).

Đó là chỗ kinh Duy Ma nói: Các pháp rốt ráo chẳng sanh chẳng diệt, đó là nghĩa vô thường. Năm thọ âm trông rỗng, không, không có chỗ khởi, đó là nghĩa khổ. Các pháp rốt ráo không chỗ có, đó là nghĩa Không. Nơi ngã và vô ngã trọn chẳng thấy hai; đó là nghĩa vô ngã. Pháp xưa chẳng khởi, nay cũng chẳng diệt, đó là nghĩa Tịch Diệt Đó là chỗ kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Tất cả các pháp: tánh-tướng bốn lai không tịch, chẳng đến chẳng đi, chẳng sinh ra, chẳng diệt mất

Đó là chỗ kinh Pháp Hoa nói: Chư pháp từng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng Trong kinh Potthapada thuộc Trường Bộ kinh, khi có một Bà la môn ngoại đạo hỏi đức Phật về sự sinh thành của thế giới, thế giới còn mãi mãi hay sẽ diệt mất, diệt rồi có lại sanh ra nữa chẳng v.v...Đức Phật đã không trả lời.

Đức Phật đã không trả lời vì những lý do ở trên.

Không trả lời, vì tất cả pháp rốt ráo không sanh vậy.

Không trả lời, vì tất cả pháp rốt ráo Tịch Diệt, rốt ráo Niết Bàn vậy.

Không trả lời, vì: bốn lai vô nhất vật vậy.

VI- Tánh không là tánh của tất cả các pháp(332)

Chân Không chính là Chân Như, đó là kết luận của kinh Đại Bát Nhã. Tánh Như, Chân Như, Như Như là để dịch chữ Tathata. Cùng từ chữ Như (Tatha) này mà có danh từ Như Lai (Tathagata), Như Lai Tạng (Tathagatagarbha)...

Một lần nữa, chúng ta phải nhắc lại rằng ý thức không thể nào hiểu được Tánh Không, Tánh Như. Chỉ có Trí Huệ mới hiểu được Chân Không là Chân Như. Ý thức không thể nào hiểu được danh từ trông ra vẽ trái ngược nhau, đều chỉ biểu thị một thực tại. Làm sao có thể vừa nói Tánh Không là vô thường, nhân duyên sanh, vô tự tánh, rỗng không... lại vừa nói Tánh Không là Chân Như. Nếu không có Trí Huệ, thì đạo Phật dường như mâu thuẫn: tại sao cái Thực Tại ấy chỗ thì nói là Tánh Không, chỗ thì nói là Phật Tánh (kinh Niết Bàn), chỗ thì nói là trống rỗng, chỗ thì nói là Thật Tướng, chỗ thì nói là Như Huyền, chỗ thì nói là Chân Như, chỗ thì nói tất cả pháp vô ngã, chỗ thì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh chỗ thì nói là Vô tâm (kinh Kim Cang), chỗ thì nói là Nhật Tâm (kinh Hoa Nghiêm)... Nếu không có trí huệ tổng trì thì chúng ta thấy các ý niệm ấy đều đối chọi nhau, thấy các tông phái đều trái nghịch nhau. Đức Phật đã nói: Pháp Phật chỉ có một vị, một nghĩa. Kinh điển cũng nói: Chư Phật ba đời đều đồng một lời, đồng một miệng mà truyền thuyết Phật pháp. thế nên nếu có sự trái nghịch nhau, đối chọi nhau giữa các kinh điển, giữa các tông phái thì phải hiểu đó chính là sự mâu thuẫn lưỡng biên của ý thức phân biệt giới hạn của chúng ta, còn trong Trí Huệ tổng trì, thì tất cả kinh điển đều cũng một vị (như nước đại dương đều cùng một vị), tất cả các thừa đều ở trong Nhất Thừa, do từ một miệng, một lời của chư Phật, chư Tổ nói ra.

*

Tánh Như là tính cách không biến đổi, không sanh không diệt, bình đẳng nhất như, thanh tịnh một vị, tịch diệt không hai, thường trụ bất động của tất cả các pháp. Bắc chúng đặc biệt rất rạo Tánh Như được gọi là Phật: "*Chư Đại Bồ tát học Như đó được Nhất thiết chủng trí, được gọi là Như Lai*" (kinh Đại Bát Nhã, Phẩm Đạo Thọ). "*Đức Phật rõ sắc tướng như là Như Tướng: chẳng hoại không phân biệt, không tướng không nhớ ghi, không hý luận, không đặc; sắc tướng cũng vậy, cũng chẳng hoại hẳn đến cũng không đặc*" (Phẩm Phật Mẫu).

Đức Phật biết rõ tất cả pháp Như Tướng, đó là cái biết rất rạo của viên thành thật tánh, vượt khỏi vọng tưởng của Y tha khởi và Biên thể sở chấp, đó là cái biết Như Như trong 5 pháp danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, Như Như của kinh Lăng Già. Biết rõ tất cả pháp Như tướng, đó là cái chánh kiến Như Thị (Tatha), Như Thực (yathabutam) của Tri Kiến Phật.

Có Phật hay không có Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Vì đặc tánh tướng

đúng như thật mà Đức Phật được gọi là Như Lai" (Phẩm Văn tướng). Tất cả pháp Như Tướng là : " *Sắc tướng Như, nhân đến Nhất thiết chủng trí tướng Như, một Như không hai không khác. Đức Như Lai tướng Như chẳng lai chẳng khứ, Tu Bồ Đề tướng Như chẳng lai chẳng khứ. Như Lai tướng Như tức là tất cả pháp tướng Như, tất cả pháp tướng Như tức Như Lai tướng Như. Lại đức Như Lai Như là tướng thường trụ, Tu Bồ Đề Như cũng là tướng thường trụ. Như Lai tướng Như không có chỗ ngại, tất cả pháp tướng Như cũng không có chỗ ngại, đây là Như Lai tướng Như cùng tất cả pháp tướng Như là một Như không hai không khác. Tướng Như này vô tác, vô niệm, vô biệt, chẳng quá khứ chẳng hiện tại chẳng vị lai, các pháp Như tướng cũng vô tác, vô niệm, vô biệt, chẳng quá khứ chẳng hiện tại, chẳng vị lai* (Phẩm Đại Như).

Kinh Kim Cang Nói: " *Như Lai là :tất cả pháp nghĩa Như" .*

Như là nghĩa Tịch Diệt : " *Bát Nhã ba la mật hiển thị Phật, thế gian tịch diệt. Hiển thị ngũ âm thế gian tịch diệt nhân đến hiển thị nhất thiết chủng trí thế gian tịch diệt " .(Phẩm Văn Tướng). "Này tu Bồ Đề! Vì tướng duy nhất mà gọi là Nhất thiết chủng trí: đó là tất cả pháp tịch diệt tướng " (Phẩm Tam Huệ).*

Như là các pháp vốn rốt ráo giải thoát vì bình đẳng như mộng huyễn: " *Sắc không phược (trói buộc) không thoát, thọ tướng hình thức không phược không thoát. Tất cả các pháp đều không phược không thoát. vì là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh nên không phược không thoát "(Phẩm Trang Nghiêm).*

Như là tất cả pháp bỗng lai thanh tịnh: " *Tất cả pháp bỗng tánh thanh tịnh. Ở trong các pháp đó, nếu Đại Bồ tát tâm thông đạt chẳng mê mờ, đó chính là Bát Nhã Ba la mật. Vì tất cả Pháp Như, pháp tánh, thiết tế, thường trụ vậy" . (Phẩm Đăng Học). " Ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới bất khả đắc vì rốt ráo thanh tịnh vậy" (Phẩm Xuất Đáo).*

Như là các pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng cấu chẳng tịnh: " *Các hành sanh khởi không từ đâu lại, chẳng đi về đâu. Đó là biết hành sanh diệt. Các hành chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng tăng chẳng giảm, chẳng cấu chẳng tịnh. Đó là biết hành Như" (Phẩm thiện Đạt).*

Như là các pháp bình đẳng: " *Tướng các pháp bình đẳng ấy, ta gọi là Tịnh. Những gì là các pháp bình đẳng? Đó là Như, bất di, bất cuống, pháp tướng,*

pháp tánh, pháp vị, thật tế. Có Phật hay không có Phật, pháp tánh thường trụ, gọi đó là Tịnh " (Phẩm Bình Đăng).

Như là các pháp tức là Pháp Tánh: "*Sắc tức là Pháp Tánh, thọ tướng hành thức tức là Pháp Tánh*" (Phẩm Thiện Đạt).

Kinh Đại Bát Nhã kết luận: "*Tất cả pháp Như Tướng, đây gọi là Vô thượng Bồ đề*" (Phẩm thâm Áo).

Để hiểu rõ điều mà các vị thiền sư nói là "*tất cả các pháp, tánh tướng Như Như, đó là đại giải thoát*", thiết nghĩ không gì bằng trích một đoạn ngữ lục, cho "tươi mát", gần gũi sống động với chúng ta hơn." Thiền sư Vân Cư Hựu "*thượng đường: Tất cả âm thanh là âm thanh Phật! Gõ thiền sàng, nói: Phạm âm thanh tịnh suốt khắp khiến người thích nghe Lại nói: Tất cả sắc là sắc Phật! Bèn đưa Phật tử lên, nói: Hiện đây Phật phóng quang minh, soi rõ nghĩa Thiệt Tướng ! Người đã thấu hiểu, đầu đội vầng làm. Người chưa thấu đáo, hợp như thế rõ, hợp như thế tin! Rồi gõ thiền sàng, xuống tòa.*

**

Kết Luận:

1- Qua năm bài báo, chúng ta có một số kiến giải chủ yếu về Tánh Không. Nói chủ yếu, vì không thể nói hết về Tánh Không, vì Tánh Không là Vô Lượng Nghĩa (kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa). Những giới thiệu sơ lược về tánh Không chỉ là một phần nhỏ của Văn Tự Bát Nhã, mục đích chính của loạt bài là gợi ý, gây cảm ứng về Bát Nhã Không Tuệ Học để độc giả trực tiếp đi vào kinh Đại Bát Nhã, hầu có thể biết sự tu hành Bát Nhã, quán chiếu Bát Nhã là như thế nào, làm thế nào tu hạnh Bồ Tát theo Trí Huệ ba la mật... để có thể, không những đọc tụng mà còn thọ trì Bát Nhã trong mọi hoàn cảnh sống hằng ngày, đem lại lợi lạc cho mình và cho người. Có đi vào kinh Đại Bát Nhã thì mới có thể lấy Trí Huệ Bát Nhã làm sinh mạng của mình trong biển lớn sanh tử : đó là Huệ Mạng của những ai tu hành chân chính, Bởi thế, giới thiệu Tánh Không là giới thiệu cái cứu cánh của đạo Phật : "*Các pháp rốt ráo Không, chính đó là Niết Bàn*" :(Thiện Đạt).

2- Tánh Không nếu hiểu theo ý niệm và bị sa vào trong biển độc của thức thì rất dễ bị hiểu lầm thành một thực tại tĩnh động trống rỗng mà người xưa

gọi là ngoan không, cái không vô ký. Kinh Viên Giác nói: Nếu lấy tâm luân hồi mà nhìn xem tánh Viên Giác, thì Viên Giác cũng thành sanh tử luân hồi.

Tánh Không chính là Đại Bi. Nếu hành giả càng thâm nhập Tánh Không thì Đại Bi càng tăng trưởng. Phẩm Xá Lợi nói : Trong Bát Nhã ba la mật xuất sanh đại từ đại bi của chư Phật. Đại Bi chính là dấu hiệu để hành giả tự nhận biết mình thực sự đi vào Tánh Không. Và Đại Bi càng thật là Đại Bi thì càng có tính hoạt động, không ngại ngại, không mệt mỏi nhằm chán như Bồ Tát Quán thế Âm chứng tỏ. Chính Trí Huệ thấu đạt Tánh Không và Đại Bi sống động nảy sinh ra Phương Tiện Thiện Xảo, là toàn bộ đời sống, cách sống cứu độ của Bồ Tát ở trong cõi sanh tử.

Trí Huệ và Đại Bi là hai cột trụ dựng nên Phật giáo Đại Thừa. Tánh Không hay Bát Nhã là giải pháp duy nhất cho con đường Bồ Tát Đại Thừa :Làm thế nào để có thể ở nơi sanh tử mà vẫn giải thoát, làm thế nào trụ trong giải thoát mà vẫn ở nơi sanh tử để cứu độ chúng sanh. Ở nơi sắc thọ tướng hành thức, nghĩa là đồng sự đồng nghiệp với chúng sanh mà vẫn giải thoát vì soi thấy năm uẩn đều Không, và cũng từ Tánh Không mà xuất sanh Đại Bi thương xót ở cùng và cứu độ tất cả. Cứu độ tất cả, hy sinh mọi đời mọi kiếp cho chúng sanh mà chẳng hề buồn giận mệt mỏi vì không thấy có người hy sinh cũng không có một ai được cứu độ, đó là Đại Bi của Trí Huệ giải thoát thay vì là cái bi chật hẹp của ái kiến ràng buộc.

3- Người tu theo Tánh Không mà hiểu lầm thì dễ bỏ quên nhân quả, nghiệp báo. Trái lại, người càng thấu đạt Tánh Không nghĩa là càng có trí huệ thì càng thấy rõ sự hiện hành của nhân quả, càng đi đúng với Trì giới Ba la mật, càng không xâm phạm giới, nghĩa là không xâm phạm tâm Đại Bi đã mở khai nơi mình. Có thể lấy ví dụ của người xưa, Tánh Không dụ cho tánh nước, nhân quả dụ cho sóng. Tánh Không không ngăn cản con người tạo ra nhân quả, nhưng dầu có sóng nước vẫn nước, không vì có sóng mà nước mất đi bản tánh của mình, còn cái người tạo ra sóng, người ấy phải chịu sự nổi chìm của nghiệp sóng do tự mình tạo ra. Hoặc lấy ví dụ Hư không và hoa đóm, không tạo ra hoa đóm, không bị nhiễm ô bởi hoa đóm, nhưng có ai tạo ra hoa đóm thì người ấy tự chịu lấy sự quay cuồng.

4- Chúng ta đang bước vào thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, một thế kỷ đặc trưng bằng một nền văn minh kỹ thuật xu hướng về việc hưởng thụ. Và hiện nay, chúng ta cũng đang thấy rõ cái giá phải trả cho việc hưởng thụ vô độ của mình: sự dễ dãi, thác loạn về văn hóa, sự buông thả về đạo đức, sự ứng xử với nhau bằng mưu mẹo chước thuật thay vì nhân cách chân thật, sự

chìm ngập trong hình ảnh và nhãn hiệu, sự phá hủy môi trường sống là trái đất
v.v...

Bi hoan hay lạc quan, chúng ta không bàn đến ở đây. Nhưng thiết nghĩ, nèn văn minh dầu, tiến theo lối nào và đến đâu, cũng không thể ra ngoài giới hạn cộng nghiệp của dục giới, không thể ra ngoài sắc thọ tướng hình thức, nghĩa là luôn luôn nằm trong sự giải quyết của Trí Huệ Bát Nhã. Chính trong những thời điểm đặc biệt, trong những phiên não đặc biệt mà ý nghĩa " *độ tất cả khổ ách*" của Trí Huệ Bát Nhã lại càng nổi bật hơn bao giờ hết. Ở vào bất kỳ thời đại nào, văn minh và lịch sử chỉ được cứu độ khi chúng được đặt vào trong Thực Tướng Nghĩa của Bát Nhã BLM. Chỉ có cái nhìn " *tất cả pháp Như tướng*" mới dập tắt hết mọi vọng tưởng điên đảo, không tạo thêm cho con người đủ thứ vọng tưởng như chạy đua hưởng thụ, chạy đua danh quyền, chạy đua vũ trang, chạy đua " *hòa bình*" : ..Chỉ có cái nhìn " *tất cả pháp không sanh, tất cả pháp không diệt*" mới làm dừng lại sự chạy cuồng của con người, như Đức Phật đã vĩnh viễn dừng lại so với kẻ sát nhân vì học đạo là Angulimala. Chỉ có cái nhìn " *nhất thiết pháp Không*" mới giải được mọi thứ ma túy, dầu ma túy ấy là thuốc, hay ma túy ấy là danh lợi, tài năng và sắc đẹp, hay đó chỉ là một bản ngã mềm như gió nhẹ như hương được dung dưỡng nơi chốn thâm sơn cũng cốc của tứ đại con người. Chỉ có lời tuyên bố của Đức Phật " *49 năm ta chưa từng nói một chữ*" hay lời nói của một thiền sư " *dầu còn một chữ Như, ta cũng mưa hết nó ra*" mới dẹp trừ mọi lăng xăng loạn tưởng, mọi mưu toan tác, ý lập ra đủ thứ học thuyết-đều kẹt trong vòng danh tướng, đều là lý luận vì không thể vượt ngoài có không, thường đoạn...- để đưa tâm thức con người đến chỗ " ***ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt***" , từ đó mới có ra thân khẩu ý để thực sự làm lợi ích cho người.

5- Bộ Đại Bát Nhã dành riêng nhiều chương để ca ngợi Bát Nhã (Bát Nhã là mẹ của chư đại Bồ Tát, hay sanh thành như chư đại Bồ Tát, một ngày tu hành Bát Nhã thì đầy đủ cả Phật pháp-Phẩm Thâm Áo). Thật vậy, Bát Nhã gồm nhiếp tất cả công cuộc độ mình và độ người, là chỗ an trụ thanh tịnh cho mọi đại nguyện của một vị Bồ Tát. Không phải là không có lý do khi chúng ta thấy hầu như tất cả các bậc Long Tượng của đạo Phật đứ xuất sanh từ Bát Nhã Không tuệ Học: Long Thọ, Milarepa, Huyền Trang, Huệ Năng, Thái Hư, các Thiền sư TH và VN.. Và chỉ mới đây thôi, cụ Lê Đình Thám, người có công nhất trong việc chấn hưng PG vào thế kỷ này, người đã đào tạo ra một thế hệ tăng tài làm rường cột của giáo hội cho đến ngày nay, đã thay đổi hẳn cuộc đời mình-từ một ông bác sĩ Đông Dương thành một Phật tử đem trọn đời mình hiến dâng cho sự phục hưng của đạo Phật-chỉ

vì đọc được 4 câu kệ của ngài Huệ Năng nói về Tánh Không viết trên vách của một ngôi chùa ở Ngũ Hành Sơn.

Tánh Không là sức mạnh, là Quan Âm Lực (Phẩm Phổ Môn), là sự vô bố úy, ánh sáng của con mắt Trí Huệ và ngọn lửa trong trái tim Đại Bi của những người con Phật, đã từng và mãi mãi đi đầu, gương cao ngọn cờ giải thoát trên những làn sóng phề hưng của lịch sử, khiến cho ngọn đèn chánh pháp luôn luôn không thể nào dập tắt, không thể nào hủy hoại, không thể nào lu mờ vì bất cứ lý do gì, dục lạc hay tham sân si vô nghĩa của thế gian, ở trong cũng như ở ngoài.

Nguyễn Thế Đăng
(Giác Ngộ)

Người gửi bài: Tâm Minh

HẾT